

BÁO CÁO

Về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc quản lý, sử dụng biên chế công chức hành chính, sự nghiệp và hợp đồng lao động đối với các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp

Thực hiện Công văn số 53/HĐND-PC ngày 06/02/2017 của Ban chấp hành HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc quản lý, sử dụng biên chế công chức hành chính, sự nghiệp và hợp đồng lao động. UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG.

Thị xã Bỉm Sơn được xác định là trung tâm vùng kinh tế động lực phía Bắc của tỉnh, có diện tích tự nhiên gần 67 km², dân số gần 60 ngàn người; có 8 đơn vị hành chính trực thuộc (6 phường và 2 xã). Trong đó: có 7 phường, xã loại II, 01 xã loại III (xã Hà Lan); 07 đơn vị sự nghiệp trực thuộc (Trung tâm Văn hóa - TDTT, Đài truyền thanh, Khuyến nông - khuyến lâm, Đội Kiểm tra quy tắc đô thị, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng Bỉm Sơn, Ban Quản lý Các Di tích cấp Quốc gia, Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất); 27 trường học, trong đó có: 2 trường Tư thục (Mầm non), 25 trường Công lập (Mầm non: 8 trường, Tiểu học: 8 trường, THCS: 7 trường, 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên, 01 Trường Trung cấp Nghề). Năm 2015, thị xã Bỉm Sơn được Bộ xây dựng công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh Thanh Hóa.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương, của HĐND tỉnh, UBND tỉnh về quản lý biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp.

- Thị xã đã tổ chức các hội nghị quán triệt đến toàn thể các cơ quan, đơn vị, xã, phường trên địa bàn thị xã về các văn bản của Trung ương, của HĐND tỉnh, UBND tỉnh về quản lý biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp;

- Công tác và hình thức quán triệt: Thông qua hội nghị cấp thị xã và xã phường; quan mạng thông tin điện tử của thị xã. Đồng thời giao cho phòng Tư pháp, cơ quan Thường trực của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thị xã chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến; giao cho Đài Truyền thanh - Truyền hình thị xã căn cứ kế hoạch chung xây dựng chuyên trang giới thiệu toàn văn nội dung các văn bản về quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp.

- Các văn bản được UBND thị xã Bỉm Sơn tập trung tổ chức quán triệt và tuyên truyền như Luật cán bộ, công chức 2008, Luật viên chức 2010; Nghị định

92/2009/NĐ-CP về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định 112/2011/NĐ-CP về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định 24/2010/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, Nghị định 21/2010/NĐ-CP về quản lý biên chế công chức; Nghị định 29/2012/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; (Bổ sung thêm nghị định 108 về tinh giảm biên chế...); Quyết định số 685/2007/QĐ-UBND về việc ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, Quyết định số 619/2010/QĐ-UBND về chức danh, số lượng, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 về việc ban hành quy định điều động, chuyển chuyên, tiếp nhận và tuyển dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập; Công văn số 9656/UBND-VX ngày 26/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sắp xếp, bố trí, điều động cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập và Quyết định giao chỉ tiêu biên chế hàng năm của UBND tỉnh Thanh Hóa...

2. Công tác ban hành các văn bản về quản lý biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp.

- Căn cứ vào Quyết định giao biên chế hành chính, sự nghiệp của tỉnh, UBND Thị xã ban hành Quyết định phân bổ và giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị đúng biên chế được giao của thị xã. Đồng thời căn cứ vào vị trí việc làm, nhu cầu công việc của từng đơn vị, UBND giao biên chế và số lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thị xã;

- Hằng năm UBND thị xã ban hành kế hoạch và giao cho phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan để kiểm tra việc thực hiện biên chế và chế độ chính sách đối với các bộ, công chức, viên chức và lao động kết hợp với kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

3. Thực hiện chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp, hợp đồng lao động.

a. Tổng số chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp được UBND tỉnh giao hàng năm:

- Năm 2011 được giao: 669 biên chế, 66 Hành chính, 603 Sự nghiệp (Sự nghiệp Giáo dục: 577, Sự nghiệp khác 26);

- Năm 2012 được giao: 669 biên chế, 66 Hành chính, 603 Sự nghiệp (Sự nghiệp Giáo dục 577, Sự nghiệp khác 26);

- Năm 2013 được giao: 669 biên chế, 66 Hành chính, 603 Sự nghiệp (Sự nghiệp Giáo dục 577, Sự nghiệp khác 26);

- Năm 2014 được giao: 670 biên chế, 67 Hành chính, 603 Sự nghiệp (Sự nghiệp Giáo dục 577, Sự nghiệp khác 26);

- Năm 2015 được giao: 670 biên chế, 67 Hành chính, 603 Sự nghiệp (Sự nghiệp Giáo dục 577, Sự nghiệp khác 26);

- Năm 2016 được giao: 670 biên chế, 67 Hành chính, 603 Sự nghiệp (Sự nghiệp Giáo dục 577, Sự nghiệp khác 26);

b. Số biên chế công chức, biên chế sự nghiệp: Chỉ tiêu giao/Số thực hiện từng năm.

*** Công chức:**

- Năm 2011: 65/66. Trong đó, có 62 công chức và 3 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP;

- Năm 2012: 66/66. Trong đó, có 63 công chức và 3 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP;

- Năm 2013: 65/66. Trong đó, có 62 công chức và 3 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP;

- Năm 2014: 71/67 biên chế. Trong đó, có 68 công chức và 3 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

- Năm 2015: 67/67 biên chế. Trong đó, có 64 công chức và 3 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

- Năm 2016: 66/67 biên chế. Trong đó, có 63 công chức và 3 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

*** Viên chức:**

- Năm 2011: 531/603 biên chế (SNGD 505, SNK 26);

- Năm 2012: 630/603 biên chế (SNGD 604, SNK 26);

- Năm 2013: 592/603 biên chế (SNGD 566, SNK 26);

- Năm 2014: 586/603 biên chế (SNGD 560, SNK 26);

- Năm 2015: 601/603 biên chế (SNGD 578, SNK 23);

- Năm 2016: 570/603 biên chế (SNGD 547, SNK 23);

(Có biểu phụ lục số 1, 2 kèm theo).

4. Công tác tuyển dụng, tiếp nhận công chức hành chính, sự nghiệp và hợp đồng lao động.

a. Công tác tuyển dụng công chức hành chính.

- UBND thị xã đã tuyển dụng: 17 công chức cấp Thị xã; 37 công chức cấp xã.
Cụ thể:

+ Năm 2011: Không;

+ Năm 2012: 06 (Thắm, Chi, Hùng, Tuyết, K.Hàng, Vũ);

+ Năm 2013: Không;

+ Năm 2014: 11 (Hòa, Đ. Hàng, Hoa, Chung, H. Anh, T. Anh, Bình, Lại, Vân, Thu, Tâm);

+ Năm 2015: Không;

+ Năm 2016: Không.

- Tổng hợp số lượng công chức cấp xã được tuyển dụng cụ thể như sau:
- + Năm 2011: 23 công chức và tiếp nhận 02 công chức;
- + Năm 2012: 08 công chức;
- + Năm 2013: 03 công chức;
- + Năm 2014: 02 công chức;
- + Năm 2015: 01 công chức;
- + Năm 2016: Không (lý do: chờ Tỉnh tổ chức kỳ thi tuyển chung)

b. Công tác tuyển dụng viên chức sự nghiệp.

- Tình hình chung về tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND cấp huyện; kết quả tuyển dụng hàng năm (từ năm 2011 đến năm 2016).

* UBND thị xã Bim Sơn đã tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định hiện hành và trong chỉ tiêu biên chế được giao;

* Kết quả tuyển dụng hàng năm:

- + Năm 2011: Không
- + Năm 2012: 01 (Nghĩa Đài TH)
- + Năm 2013: 02 (Hùng TTVH + Tú Đội QT)
- + Năm 2014: 02 (KT TC nghề, Huyện Đội QT)
- + Năm 2015: 19 (GV MN)
- + Năm 2016: 01 (Kế toán TTVH)

- Phương thức tuyển dụng, nêu cụ thể tuyển dụng của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thị xã.

+ UBND Thị xã đã tuyển dụng qua xét tuyển: 26 trường hợp; Số tuyển dụng đặc cách (không qua thi tuyển, xét tuyển): Không;

c. Việc ký hợp đồng lao động

- Việc ký hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng lao động một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

+ UBND Thị xã đã ký HĐLĐ theo Nghị định 68: 03 trường hợp.

(Có biểu phụ lục số 3 kèm theo).

- Việc ký các loại hợp đồng lao động khác.

- + Năm 2011: 136
- + Năm 2012: 37
- + Năm 2013: 92
- + Năm 2014: 98
- + Năm 2015: 97
- + Năm 2016: 119.

(Có biểu phụ lục số 4 kèm theo).

5. Công tác thanh tra, kiểm tra đối với các đơn vị trực thuộc UBND huyện quản lý về biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp.

- UBND Thị xã Bim Sơn thực hiện theo quy định và đúng thẩm quyền.

6. Kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) trong việc tiếp nhận, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển và hợp đồng lao động.

Chủ tịch UBND thị xã đã quan tâm chỉ đạo các phòng chuyên môn khắc phục những tồn tại, hạn chế cụ thể:

- Thực hiện điều động, sắp xếp lại biên chế hành chính, bố trí hợp lý tại các phòng chuyên môn của UBND Thị xã; sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên hành chính các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, đảm bảo cơ cấu, trình độ chuyên môn theo hướng dẫn của Tỉnh.

- Ban hành Quyết định chấm dứt 02 hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan chuyên môn UBND thị xã không còn phù hợp với vị trí việc làm.

7. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp.

- UBND Thị xã Bim Sơn không có đơn thư khiếu nại, tố cáo về quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp.

III. HẠN CHẾ, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khuyết điểm.

1.1. Thực hiện tuyển dụng công chức hành chính:

- Việc tuyển dụng công chức trong năm 2014 còn bị động, chưa xây dựng vị trí việc làm cụ thể nên biên chế hành chính năm 2014 đã vượt so với chỉ tiêu UBND tỉnh giao.

1.2. Thực hiện tuyển dụng viên chức:

- Khi các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thị xã thiếu viên chức so với biên chế được giao, UBND thị xã đã thành lập Hội đồng tuyển dụng Viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo quy định tại Nghị định 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 15/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các bước quy trình tuyển dụng đã có một số sai sót như: Kết quả tuyển dụng chưa báo cáo kịp thời cấp có thẩm quyền...

1.3. Việc ký hợp đồng lao động (gồm cả Hợp đồng lao động theo NĐ 68):

- Trong các năm, trong khi chờ kết quả thi công chức, UBND thị xã Bim Sơn đã ký một số HĐLĐ tại các phòng chuyên môn không nằm trong chỉ tiêu biên chế của UBND Thị xã. Đến nay, quý I/2017, thị xã đã chủ động thanh lý số Hợp đồng lao động nêu trên.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan.

- Do cơ cấu, chất lượng chuyên môn đào tạo của lực lượng biên chế hiện có còn hạn chế và chưa hợp lý, nên khi có 1 hoặc một số cán bộ nghỉ hưu, UBND thị xã không thể điều từ phòng, ban thừa công chức sang phòng ban thiếu (do không có chuyên môn đào tạo phù hợp); do vậy, để giải quyết tính cấp bách trong sắp xếp cán bộ, UBND đã phải tạm thời ký hợp đồng ngắn hạn với một số lao động là Đại học chính quy, có chuyên môn cần để bổ sung tạm thời, khắc phục thiếu cán bộ;

- Trong các năm gần đây số học sinh, số lớp cấp Tiểu học và Mầm non liên tục tăng, dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học ngày càng nghiêm trọng; trong khi biên chế tỉnh giao quá thấp so với nhu cầu, đồng thời việc tiếp nhận, tuyển dụng, hợp đồng giáo viên thiếu cấp huyện chưa được chủ động giải quyết;

- Biên chế trường Trung cấp nghề Bim Sơn được tỉnh giao 11 biên chế, nhu cầu học nghề thực tế và đã được duyệt lớn, nhưng hầu hết trường chỉ ký hợp đồng xác định thời hạn, nên giáo viên không được hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của trường.

2.2. Nguyên nhân chủ quan.

- Một số lĩnh vực QLNN không đủ điều kiện về nhân lực có nghiệp vụ chuyên ngành phù hợp để quản lý nên gặp nhiều khó khăn.

IV. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC.

- Căn cứ số lượng biên chế được giao và vị trí việc làm, UBND Thị xã thực hiện việc sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã theo đúng quy định của Chính phủ và của UBND Tỉnh. Cán bộ, công chức hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị được sắp xếp, bố trí phù hợp vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế được tỉnh phân bổ và theo đúng quy định.

- Thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng viên chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc đảm bảo không tăng so với biên chế và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp được UBND tỉnh giao.

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên hành chính tại các trường học trên địa bàn nhằm đảm bảo về cơ cấu, số lượng giáo viên, nhân viên hành chính phù hợp với số học sinh, số lớp của từng cấp học.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

1. Đề nghị UBND Tỉnh cho phép UBND cấp huyện được chủ động tuyển dụng công chức, viên chức **đủ điều kiện tuyển dụng không thông qua thi tuyển** nằm trong biên chế Tỉnh giao để kịp thời đáp ứng công việc so với yêu cầu thực tế.

2. Đề nghị Tỉnh sớm có chủ trương cho UBND thị xã được Tiếp nhận, tuyển dụng giáo viên thiếu so với biên chế Tỉnh giao; sớm bổ sung tăng biên chế giáo viên theo định mức quy định, đồng thời cho ký hợp đồng với GV cho đủ số lượng trong khi chờ tỉnh bổ sung biên chế. ~~7/2016~~

Nơi nhận:

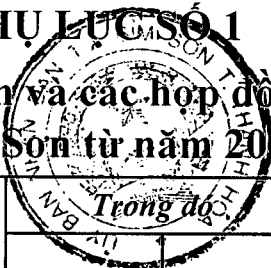
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, NV.



Bùi Huy Hùng

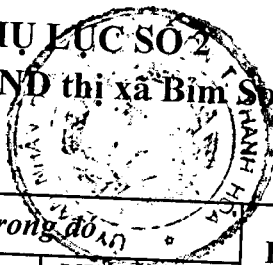
PHỤ LỤC SỐ 1

**Biên chế công chức hành chính và các hợp đồng lao động 68 của UBND
Thị xã Bim Sơn từ năm 2011-2016**



STT	Tên Cơ quan, Đơn vị	Biên chế được giao	Biên chế		Biên chế thực hiện (đến 31/12 hàng năm)	Trong đó	
			CC	HĐLĐ 68		Biên chế CC	HĐLĐ 68
1	2	3	4	5	6	7	8
I.	Huyện Thị xã Bim Sơn						
1	Năm 2011	66	63	3	65	62	3
2	Năm 2012	66	63	3	66	63	3
3	Năm 2013	66	63	3	65	62	3
4	Năm 2014	67	64	3	71	68	3
5	Năm 2015	67	64	3	67	64	3
6	Năm 2016 (biên chế thực hiện tính đến 31/12/2016)	67	64	3	66	63	3

PHỤ LỤC SỐ 2
Biên chế sự nghiệp của UBND thị xã Bim Sơn từ năm 2011-2016

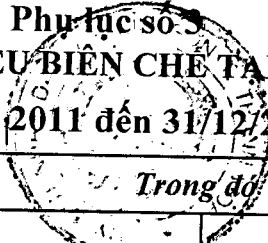


STT	Tên Cơ quan, Đơn vị	Biên chế được giao	Trong đó				Biên chế thực hiện (đến 31/12 hàng năm)	Trong đó			
			GD-ĐT	Y tế	VH-TT, Đài TT	SN khác		GD-ĐT	Y tế	VH-TT, Đài TT	SN khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I.	Thị xã Bim Sơn										
1	Năm 2011	603	577		18	8	531	505		18	8
2	Năm 2012	603	577		18	8	630	604		18	8
3	Năm 2013	603	577		18	8	592	566		18	8
4	Năm 2014	603	577		18	8	586	560		18	8
5	Năm 2015	603	577		18	8	601	578		16	7
6	Năm 2016 (biên chế thực hiện tính đến 31/12/2016)	603	577		18	8	570	547		16	7

Phụ lục số 3

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NGOÀI CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ TẠI CƠ QUAN UBND TX BỈM SƠN

Từ năm 2011 đến 31/12/2016



STT	Tên Cơ quan, Đơn vị	Tổng số HĐ	Trong đó				Tổng kinh phí và nguồn KP chi trả (ngàn đồng)
			HĐ lao động 68		HĐ lao động khác		
			HĐ có thời hạn	HĐ không x/đ thời hạn	HĐ có thời hạn	HĐ không x/đ thời hạn	
1	2	3	4	5	6	7	8
I.	Thị xã Bỉm Sơn	69					2.961.000
1	Năm 2011	15		3	12		420.000 (NSNN)
2	Năm 2012	12		3	9		522.000 (NSNN)
3	Năm 2013	12		3	9		522.000 (NSNN)
4	Năm 2014	12		3	9		552.000 (NSNN)
5	Năm 2015	11		3	8		508.000 (NSNN)
6	Năm 2016 (tính đến 31/12/2016)	11		3	8		437.000 (NSNN)

Phụ lục số 4
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC UBNDTX BỈM SƠN
Từ năm 2011 đến 31/12/2016

STT	Tên Cơ quan, Đơn vị	Tổng số	Trong đó							Tổng kinh phí và nguồn KP chi trả
			HĐLĐ 68	Các loại hợp đồng khác						
				HĐ do huyện ký		HĐ do đơn vị trực thuộc ký (có sự phê duyệt của lãnh đạo huyện)		HĐ do đơn vị trực thuộc tự ký		
				HĐ không x/đ thời hạn	HĐ có thời hạn	HĐ không x/đ thời hạn	HĐ có thời hạn	HĐ không x/đ thời hạn	HĐ có thời hạn	
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
I.	Thị xã Bỉm Sơn									
1	Năm 2011	124	0	0	99	0	0	0	25	2651074110
1.1	Mầm non Xi Măng	13			13					240832800
1.2	Mầm non Bắc Sơn	17			17					314935200
1.3	Mầm non Lam Sơn	9			9					166730400
1.4	Mầm non Đông Sơn	12			12					222307200
1.5	Mầm non Quang Trung	19			19					351986400
1.6	Mầm non Ba Đình	19			19					351986400
1.7	Mầm non Hà Lan	10			10					185256000
1.8	TT Văn hóa	3							3	57492000
1.9	Đài TT	4							4	137000000
1.10	Trung cấp Nghề	18							18	622547710
2	Năm 2012	28	0	0	3	0	0	0	25	1266983420
2.1	Mầm non Ba Đình	1			1					23436000
2.2	Mầm non Đông Sơn	1			1					23436000
2.3	Cơ quan phòng GD&ĐT	1			1					4914000
2.4	TT Văn hóa	3							3	57492000
2.5	Đài TT	4							4	137000000
2.6	Trung cấp Nghề	18							18	1020705420
3	Năm 2013	83	0	9	49	0	0	0	25	1697300065
3.1	Mầm non Xi Măng	7		1	6					179676000

STT	Tên Cơ quan, Đơn vị	Tổng số	Trong đó							Tổng kinh phí và nguồn KP chi trả	
			HĐLĐ 68	Các loại hợp đồng khác							
				HĐ do huyện ký		HĐ do đơn vị trực thuộc ký (có sự phê duyệt của lãnh đạo huyện)		HĐ do đơn vị trực thuộc tự ký			
				HĐ không x/đ thời hạn	HĐ có thời hạn	HĐ không x/đ thời hạn	HĐ có thời hạn	HĐ không x/đ thời hạn	HĐ có thời hạn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
3.2	Mầm non Bắc Sơn	10		2	8						256680000
3.3	Mầm non Phú Sơn	7		1	6						179676000
3.4	Mầm non Lam Sơn	6		1	5						154008
3.5	Mầm non Đông Sơn	6		1	5						154008000
3.6	Mầm non Quang Trung	7		1	6						179676000
3.7	Mầm non Ba Đình	8		1	7						205344000
3.8	Mầm non Hà Lan	6		1	5						154008000
3.9	Cơ quan phòng GD&ĐT	1			1						32292000
3.10	TT Văn hóa	3								3	60600000
3.11	Đài TT	4								4	140000000
3.12	Trung cấp Nghề	18								18	1332065
4	Năm 2014	80	0	19	36	0	0	0	0	25	2648906000
4.1	Mầm non Xi Măng	8		5	3						205344000
4.2	Mầm non Bắc Sơn	1		0	1						25668000
4.3	Mầm non Phú Sơn	5		3	2						128340000
4.4	Mầm non Lam Sơn	3		2	1						77004000
4.5	Mầm non Đông Sơn	5		2	3						128340000
4.6	Mầm non Quang Trung	3		2	1						77004000
4.7	Mầm non Ba Đình	3		3	0						77004000
4.8	Mầm non Hà Lan	3		2	1						77004000
4.9	Tiểu học Ba Đình	5			5						67275000
4.10	Tiểu học Ngọc Trạo	4			4						53820000
4.11	Tiểu học Quang Trung	1			1						13455000
4.12	Tiểu học Lam Sơn 1	3			3						40365000

STT	Tên Cơ quan, Đơn vị	Tổng số	Trong đó							Tổng kinh phí và nguồn KP chi trả	
			HĐLĐ 68	Các loại hợp đồng khác							
				HĐ do huyện ký		HĐ do đơn vị trực thuộc ký (có sự phê duyệt của lãnh đạo huyện)		HĐ do đơn vị trực thuộc tự ký			
				HĐ không x/đ thời hạn	HĐ có thời hạn	HĐ không x/đ thời hạn	HĐ có thời hạn	HĐ không x/đ thời hạn	HĐ có thời hạn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
4.13	Tiểu học Lam Sơn 3	2			2						26910000
4.14	Tiểu học Đông Sơn	1			1						13455000
5	Tiểu học Hà Lan	4			4						53820000
4.16	THCS Lê Quý Đôn	3			3						40365000
4.17	Cơ quan phòng GD&ĐT	1			1						32292000
4.18	TT Văn hóa	3							3		60600000
4.19	Đài TT	4							4		152000000
4.20	Trung cấp Nghề	18							18		1298841000
5	Năm 2015	87	0	19	38	0	0	0	30		3219777000
5.1	Mầm non Xi Măng	8		5	3						205344000
5.2	Mầm non Bắc Sơn	1		0	1						25668000
5.3	Mầm non Phú Sơn	5		3	2						128340000
5.4	Mầm non Lam Sơn	3		2	1						77004000
5.5	Mầm non Đông Sơn	5		2	3						128340000
5.6	Mầm non Quang Trung	3		2	1						77004000
5.7	Mầm non Ba Đình	3		3	0						77004000
5.8	Mầm non Hà Lan	3		2	1						77004000
5.9	Tiểu học Ba Đình	6			6						193752000
5.10	Tiểu học Ngọc Trạo	4			4						129168000
5.11	Tiểu học Quang Trung	2			2						64584000
5.12	Tiểu học Lam Sơn 1	3			3						96876000
5.13	Tiểu học Lam Sơn 3	2			2						64584000
5.14	Tiểu học Đông Sơn	1			1						32292000
5.15	Tiểu học Hà Lan	4			4						129168000

STT	Tên Cơ quan, Đơn vị	Tổng số	Trong đó							Tổng kinh phí và nguồn KP chi trả	
			HDLĐ 68	Các loại hợp đồng khác							
				HĐ do huyện ký		HĐ do đơn vị trực thuộc ký (có sự phê duyệt của lãnh đạo huyện)		HĐ do đơn vị trực thuộc tự ký			
				HĐ không x/d thời hạn	HĐ có thời hạn	HĐ không x/d thời hạn	HĐ có thời hạn	HĐ không x/d thời hạn	HĐ có thời hạn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
5.16	THCS Lê Quý Đôn	3			3						96876000
5.17	Cơ quan phòng GD&ĐT	1			1						32292000
5.18	TT Văn hóa	3								3	67800
5.19	Đài TT	4								4	152200000
5.20	Trung cấp Nghề	23								23	1364477000
6	Năm 2016 (tính đến 31/12/2016)	111	0	19	88	0	0	0	0	37	4016584000
6.1	Mầm non Xi Măng	7		5	2						185925600
6.2	Mầm non Bắc Sơn	1		0	1						26560800
6.3	Mầm non Phú Sơn	5		3	2						132804000
6.4	Mầm non Lam Sơn	3		2	1						79682400
6.5	Mầm non Đông Sơn	5		2	3						132804000
6.6	Mầm non Quang Trung	3		2	1						79682400
6.7	Mầm non Ba Đình	3		3	0						796824
6.8	Mầm non Hà Lan	3		2	1						79682400
6.9	Tiểu học Ba Đình	5			5						167076000
6.10	Tiểu học Ngọc Trạo	4			4						133660800
6.11	Tiểu học Quang Trung	2			2						66830400
6.12	Tiểu học Lam Sơn 1	3			3						100245600
6.13	Tiểu học Lam Sơn 3	2			2						66830400
6.14	Tiểu học Đông Sơn	1			1						33415200
6.15	Tiểu học Hà Lan	4			4						133660800
6.16	THCS Lê Quý Đôn	3			3						100245600
6.17	Cơ quan phòng GD&ĐT	1			1						33415200
6.18	TT Văn hóa	3			3					3	67800000
6.19	Đài TT	5			1					4	160000000

STT	Tên Cơ quan, Đơn vị	Tổng số	Trong đó							Tổng kinh phí và nguồn KP chi trả	
			HDLĐ 68	Các loại hợp đồng khác							
				HĐ do huyện ký		HĐ do đơn vị trực thuộc ký (có sự phê duyệt của lãnh đạo huyện)		HĐ do đơn vị trực thuộc tự ký			
				HĐ không x/đ thời hạn	HĐ có thời hạn	HĐ không x/đ thời hạn	HĐ có thời hạn	HĐ không x/đ thời hạn	HĐ có thời hạn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
6.2	Trung cấp Nghề	30			30					30	1502580000
6.21	Đội KT Quy tắc đô thị	18			18						654000000
	Tổng cộng	513	0	66	313	0	0	0	167	15500624595	

THÀNH PHỐ